TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TX THÀNH PHỐ HN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 277/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/6/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TX, THÀNH PHỐ HN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa	**Bà H T T**
Các Hội thẩm nhân dân	**Ông Đ N H**
	Bà N T N L
Thư ký ghi biên bản phiên tòa	**Ông V T T**

Thư ký Tòa án nhân dân quận TX – Thành phố HN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận TX tham gia phiên tòa:

Bà D V A - Kiểm sát viên.

Hôm nay, hồi 9giờ 00 ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận TX mở phiên tòa để xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 104/2023/TLST - HNGĐ ngày 17/3/2023; Về việc: "Tranh chấp ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 08/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh N A T, Sinh năm 1979

Bị đơn: Chị Đ K Q, Sinh năm 1982

Địa chỉ: P33-18R2B, Chung cư RC, số 72A NT, phường TĐ, quận TX, HN.

Tại phiên toà: Anh T có đơn xin vắng mặt; chị Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh N A T trình bày:

Anh và chị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND phường VP, quận BĐ, HN ngày 20/9/2017, cả hai đều kết hôn lần đầu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và trong cách nuôi dạy con cái. Mâu thuẫn căng thẳng không thể hoà hợp được nên đầu năm 2021 chị Q đã nộp đơn xin ly hôn gửi đến Toà án nhân dân quận TX sau đó được Toà án hoà giải nên vợ chồng tôi lại quay về đoàn tụ, kể từ thời điểm đó đến nay vợ chồng sống vẫn không hạnh phúc và đã ly thân nhau được hơn một năm nay, chị Q

đã dọn ra ngoài để ở không thông báo cho anh T biết địa chỉ ở tại đâu, chị Q vẫn gọi điện cho anh T để hỏi thăm con cái, anh T có hỏi địa chỉ hiện tại chị Q ở đâu nhưng chị Q không nói cho anh T biết. Nay, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã sâu sắc, trầm trọng, vợ chồng không thể quay về đoàn tụ được. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Q càng sớm càng tốt để bố con chị ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh T xác nhận anh chị có 01 con chung là N V B, sinh ngày 03/6/2017 hiện đang ở với anh T. Ly hôn, anh T đề nghị xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị Q phải đóng góp tiền nuôi con. Thu nhập của anh T 20.000.000đồng/tháng.

- Về tài sản, nhà ở chung và các vấn đề khác: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lập biên bản trao đổi với tổ trưởng dân phố số 35 phường TĐ về tình trạng hôn nhân của anh T, chị Q; Xác minh tại Công an phường TĐ về tình hình cư trú hiện tại của chị Q và được cung cấp chị Q sinh sống tại P33-18R2B, Chung cư RC, số 72A NT, phường TĐ, quận TX, HN từ năm 2018 đến tháng 3 năm 2022 chị Q không còn sinh sống tại địa chỉ trên và không khai báo nơi chuyển đến. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và thông báo về quyền và nghĩa vụ tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử…để đảm bảo quyền và nghĩa vụ tố tụng cho chị Q theo quy định của pháp luật nhưng chị Q không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến trình bày liên quan đến nội dung vụ án.

Tại phiên toà, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận TX phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70,71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70, 72 BLTTDS.

Căn cứ theo quy định tại Điều 53; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP TAND tối cao, Nghị quyết 326 /30.12.2016 của UBTVQH quy định về án phí đề nghị:

- Chấp nhận đơn ly hôn của anh N A T, xử cho anh N A T và chị Đ K Q được ly hôn.

- Về con chung: Công nhận cháu N V B sinh ngày 03/6/2017, là con chung của anh N A T và chị Đ K Q.

Giao cháu N V B sinh ngày 03/6/2017 cho anh N A T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Q không phải hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có thay đổi khác.

Chị Q được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của anh N A T xin ly hôn đối với chị Đ K Q là quan hệ tranh chấp về Hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh N A T và chị Đ K Q cùng cư trú tại quận TX, thành phố HN. Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận TX, thành phố HN.

- Về sự vắng mặt của bị đơn chị Đ K Q: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ tại Tổ trưởng dân phố, xác minh tại công an phường TĐ nơi chị Q cư trú tại P33-18R2B, Chung cư RC, số 72A NT, phường TĐ, quận TX đều xác định chị Q hiện không còn sinh sống tại địa chỉ trên từ tháng 3/2022 nhưng chưa cắt khẩu đến địa chỉ nào khác. Việc chị Q không thông báo cho anh T biết địa chỉ hiện đang sinh sống cụ thể ở đâu thể hiện chị Q đã cố tình giấu địa chỉ, do đó căn cứ theo khoản 3 điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, thông báo quyền và nghĩa vụ của đương sự bằng thủ tục niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và nghĩa vụ đối với chị Q.

Tại phiên tòa lần thứ nhất chị Q vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh T có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, chị Q mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 2 điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

* Về quan hệ hôn nhân:

Nhận thấy, anh N A T và chị Đ K Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường VP, quận BĐ, HN ngày 20/9/2017, đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cả hai bên đã cố gắng cải thiện quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết vụ án chị Q vắng mặt không đến Tòa án làm việc, không có lời khai nên Tòa án không có cơ sở xem xét giải quyết, Tòa án lập biên bản ghi ý kiến của bố đẻ chị Q về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng và xác định nơi cư

trú hiện tại của chị Q. Bố đẻ chị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị Q.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận TX, Hội đồng xét xử thấy rằng anh T chị Q có cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, cho anh T được ly hôn với chị Q là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

* Về con chung: Anh T xác nhận anh và chị Q 01 con chung là N V B, sinh ngày 03/6/2017, ly hôn anh T xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh T. Xét thấy hiện tại anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung, do vậy giao con chung cho anh T nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh T không yêu cầu chị Q cấp dưỡng tiền nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của anh T nên cần ghi nhận. Chị Q được quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

* Về tài sản, nhà ở chung, nợ chung và các vấn đề khác:

- Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận TX tại phiên tòa phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 điều 177; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh N A T đối với chị Đ K Q. Anh N A T được ly hôn với chị Đ K Q.

[2]. Về con chung: Anh N A T và chị Đ K Q có 01 con chung là N V B, sinh ngày 03/6/2017. Sau ly hôn giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Q cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay

đổi khác. Chị Q được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản, nhà ở chung: Anh N A T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh N A T không yêu cầu nên không xét.

[5]. Về án phí: Anh N A T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số 0008686 ngày 17/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận TX, thành phố HN.

Án xử công khai sơ thẩm, anh T chị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố HN;
- VKSND quận TX;
- Chi cục THADS quận TX;
- Nơi cấp ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

H T T